

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ- ST  
Ngày 26 tháng 9 năm 2024  
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH V**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bình Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Đỗ Hồng Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981, (Vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 25/6/2024 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B ngày 25/6/2004. Trước khi cưới có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và ở chung với gia đình chồng, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về cách tính toán làm ăn kinh tế trong gia đình cũng như cách cư xử trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Quá trình sống ly thân ai có việc thì người đó làm không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh B.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 07/8/2024 anh trình bày:*

Anh xác nhận điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ 2012 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị H, anh B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/4/2006, hiện các cháu đã trên 18 tuổi, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác; Chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B được ly hôn.

- Về con chung: Chị H, anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/4/2006, hiện các cháu đã trên 18 tuổi, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh V. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B theo quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn B ngày 13/12/2002 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh V đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến hay

cãi nhau và phải sống ly thân. Xét thấy thời gian anh chị sống ly thân dài không cải thiện được tình cảm, nay anh chị đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho anh chị ly hôn để các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

[3] Về con chung: Chị H anh B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/4/2006, hiện các cháu đã trên 18 tuổi, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị H, anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 06/6/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/4/2006, hiện các cháu đã trên 18 tuổi, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003334 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

**Nơi nhận:**

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bình Thuận**